

Số: 67 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 08 tháng 9 năm 2022

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH K – Chem Việt Nam ngày 29 tháng 8 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4329 /TTr-CCBVM ngày 08 tháng 9 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH K – Chem Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Đường N6b, lô F, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất sơn PU, sơn NC, matit, mực in và vecni – Công suất 90 tấn sản phẩm/năm với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất sơn PU, sơn NC, matit, mực in và vecni – Công suất 90 tấn sản phẩm/năm

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường N6b, lô F, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một



thành viên mã số doanh nghiệp 3702686258 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 23 tháng 07 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 3702686258

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất sơn PU, sơn NC, matit, mực in và vecni

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 1096/QĐ-STNMT ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích dự án: 5.577 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 90 tấn sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH K – Chem Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH K – Chem Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép



môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 08 tháng 9 năm 2022 đến ngày 08 tháng 9 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Nhà máy sản xuất sơn PU, sơn NC, matit, mực in và vecni – Công suất 90 tấn sản phẩm/năm tại Đường N6b, lô F, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH K – Chem Việt Nam;
- Sở Xây dựng;
- Sở Công thương;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- UBND phường Phú Chánh;
- Công ty TNHH Cheng Chia Wood;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang5.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**





**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,  
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **67** /GPMT-STNMT ngày **08** tháng **9** năm 2022  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Phú Chánh 1, không xả ra môi trường).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

Nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng  $3,3m^3$  được thu gom bằng đường ống uPVC đường kính 400mm dẫn về 03 bể tự hoại đặt dưới khu văn phòng (diện tích  $16,195m^2$ , thể tích  $15m^3$ ), khu nhà xưởng (diện tích  $5,61m^2$ , thể tích  $3m^3$ ) và khu nhà bảo vệ (diện tích  $5,61m^2$ , thể tích  $3m^3$ ) để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hố ga nước thải tập trung bằng đường ống uPVC đường kính 400mm trên đường N6b để đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (nước thải từ bể xí, âu tiểu sau khi qua bể tự hoại, nước lavabo) → Hố ga tập trung trên đường N6b → Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

**1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022).

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trước khi đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, không xả trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nổi nước thải vào trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường. ✓



## Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 67 /GPMT-STNMT ngày 08 tháng 9 năm 2022  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

STT	Nguồn khí thải	
01	Nguồn khí thải số 01	Khí thải từ các bồn trộn, các vị trí sang chiết, đóng gói
02	Nguồn khí thải số 02	Khí thải từ các bồn chứa nguyên liệu và kho chứa các bồn nguyên liệu
03	Nguồn khí thải số 03	Khí thải từ phòng thí nghiệm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°)
01	Dòng khí thải số 01	Tại ống thải của hệ thống xử lý nguồn khí thải số 01 và số 02	X=1.224.813,03; Y = 604.777,64
02	Dòng khí thải số 02	Tại ống thải của hệ thống xử lý nguồn khí thải số 03	X=1.224.816,61; Y= 604.754,90.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả thải tối đa là 20.000m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng tối đa 4.260 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Xả thải liên tục (24/24h).
- Dòng khí thải số 02: xả thải gián đoạn khi có hoạt động thử nghiệm.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi, cột B,  $k_p=0,9$ ,  $k_v=0,8$  và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật



quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối hạn	Quy chuẩn môi trường	Tần suất quan trắc định kỳ
<b>Dòng khí thải số 01, số 02</b>					
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, $k_p=0,9$ , $k_v=0,8$	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Chủ dự án tự đề xuất quan trắc với tần suất 3 tháng/lần.
2	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750	QCVN 20:2009/BTNMT	
3	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870	QCVN 20:2009/BTNMT	
4	Ethyl axetate	mg/Nm <sup>3</sup>	1400	QCVN 20:2009/BTNMT	
5	Butyl axetate	mg/Nm <sup>3</sup>	950	QCVN 20:2009/BTNMT	
6	Ethanol	mg/Nm <sup>3</sup>	45	QCVN 20:2009/BTNMT	
7	Methanol	mg/Nm <sup>3</sup>	260	QCVN 20:2009/BTNMT	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ các bồn trộn, các vị trí sang chiết, đóng gói được thu gom bằng chụp hút, hệ thống ống dẫn thông qua quạt hút dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

- Nguồn số 02: Khí thải từ các bồn chứa nguyên liệu và kho chứa các bồn nguyên liệu được thu gom bằng chụp hút, hệ thống ống dẫn thông qua quạt hút dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

- Nguồn số 03: Khí thải từ phòng thí nghiệm được thu gom bằng chụp hút phía trên tủ hút, hệ thống ống dẫn thông qua quạt hút dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

##### **Nguồn số 01 và số 02:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính (Thiết bị dạng tủ, hình chữ nhật, kích thước chiều dài =2095mm, chiều rộng



=1455mm, chiều cao 1570mm) → Ống phát thải (D = 600mm, chiều cao 12m).

- Công suất thiết kế: 20.000m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 278kg (48 đĩa than), tần suất thay thế khoảng 6 tháng/lần.

#### **Nguồn số 03:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút (lưu lượng 4.260m<sup>3</sup>/giờ) → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính (Thiết bị dạng tủ, hình chữ nhật, kích thước chiều dài = 1200mm, chiều rộng = 900 mm, chiều cao = 2200mm) → Ống phát thải (D = 115mm, cao 4m).

- Công suất thiết kế: 4.260m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, tần suất thay thế khoảng 6 tháng/lần.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống. Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động để có biện pháp xử lý kịp thời. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 1,5 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

#### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

- Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 01 và số 02.

- Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 03.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):



STT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)
1	Tại ống thải của hệ thống xử lý nguồn khí thải số 01 và số 02	X = 1.224.813,03; Y = 604.777,64
2	Tại ống thải của hệ thống xử lý nguồn khí thải số 03	X = 1.224.816,61; Y = 604.754,90

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.1. Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý khí thải

**Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 01 và số 02**

- Thời gian đánh giá: 45 ngày, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
- Tần suất quan trắc: 15 ngày/lần (03 lần).
- Vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.
- Loại mẫu: mẫu tổ hợp.
- Thông số quan trắc: Bụi tổng, Toluen, Xylen, Ethyl axetat, Butyl axetat, Ethanol,

Methanol

**Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 03**

- Thời gian đánh giá: 45 ngày, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
- Tần suất quan trắc: 15 ngày/lần (03 lần).
- Vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.
- Loại mẫu: mẫu tổ hợp.
- Thông số quan trắc: Bụi tổng, Toluen, Xylen, Ethyl axetat, Butyl axetat, Ethanol,

Methanol

2.3.2 Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải

**Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 01 và số 02**

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (03 lần).
- Vị trí lấy mẫu: đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.
- Loại mẫu: Mẫu đơn
- Thông số quan trắc: Bụi tổng, Toluen, Xylen, Ethyl axetat, Butyl axetat, Ethanol,





Methanol

**Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 03**

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (03 lần).
- Vị trí lấy mẫu: đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.
- Loại mẫu: Mẫu đơn
- Thông số quan trắc: Bụi tổng, Toluene, Xylen, Ethyl axetat, Butyl axetat, Ethanol,

Methanol

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu hấp phụ, đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm thì chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.









**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **67** /GPMT-STNMT ngày **08** tháng **9** năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

STT	Nguồn khí thải	
01	Nguồn số 01	Từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực sản xuất
02	Nguồn số 02	Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ các bồn trộn, các vị trí đóng gói (san chiết); từ các bồn chứa nguyên liệu và kho chứa các bồn nguyên liệu
03	Nguồn số 03	Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ phòng thí nghiệm

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

STT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°)
01	Nguồn số 01	X = 1.224.660,82; Y = 604.779,66
02	Nguồn số 02	X = 1.224.813,58; Y = 604.778,51
03	Nguồn số 03	X = 1.224.816,61; Y = 604.754,90

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết



bị hư hỏng.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết.

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân:

- + Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.

- + Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.

- + Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn. Cách ly những thiết bị phát ra độ rung lớn bằng những rãnh cách xung quanh móng máy

- Bố trí bộ giảm âm chống ồn (silencer) tại quạt li tâm 20.000 m<sup>3</sup>/giờ thu gom khí thải về hệ thống hấp phụ than hoạt tính.

- Kiểm tra thường xuyên và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn và hư hỏng hoặc gia công các chi tiết máy đặc biệt để khử rung.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.





## Phụ lục 4

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 67 /GPMT-STNMT ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

##### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 08	36
2	Pin thải	16 01 12	530
3	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 05	10
4	Bao bì mềm thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	850
5	Bao bì cứng thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 02	744
6	Giẻ lau vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	760
7	Chất thải lỏng lẫn chất kết dính và chất bột kín có dung môi và các thành phần nguy hại khác	08 03 03	34.200
8	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	600
9	Than hoạt tính thải	12 01 04	288
Tổng khối lượng			38.018





### **1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

Các loại chai, lọ, bao bì, thùng chứa... không dính thành phần nguy hại với khối lượng khoảng 50 kg/ngày tương đương 1.500 kg/tháng.

### **1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...), khối lượng khoảng 15 kg/ngày.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Các chất thải nguy hại tại khu vực sản xuất được thu gom và tập trung ở các thùng chứa 120 lit đặt tại các khu vực cố định. Nhân viên vệ sinh có trách nhiệm thu gom và đem đến kho chứa chất thải nguy hại sau khi hết ngày làm việc.

- Các chất thải từ phòng thí nghiệm được phân loại bằng các thùng rác 20 lít ngay tại phòng. Nhân viên vệ sinh có trách nhiệm thu gom và đem đến kho chứa chất thải nguy hại sau khi hết ngày làm việc.

- Diện tích kho chứa 11,1m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông cốt thép, bố trí mương thu gom nguyên liệu tràn đổ rộng 150mm; vách tường bê tông cốt thép cao 3,2m; mái tole AZ150 cán 5 sóng dày 0,45mm; xà gồ thép tráng kẽm. Cửa ra vào bố trí tấm kẽm dày 15mm, có dán các băng phân khu vực, trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tập kết về kho chứa rác thải thông thường.

- Các loại chất thải phế liệu có khả năng tái chế được thu gom lưu chứa vào khu vực riêng và chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu theo quy định;

- Đối với chất thải không nguy hại không có khả năng tái chế được: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Diện tích kho chứa 6,29m<sup>2</sup>.

- Kết cấu: Kho chứa chất thải có tường bao và mái che, nền bê tông cốt thép, mái tole AZ150 cán 5 sóng dày 0,45mm, xà gồ thép tráng kẽm.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 02 loại thùng chứa 60 lít màu xanh (chứa chất thải hữu cơ phân hủy được) và thùng chứa 60l màu vàng (chứa chất thải còn lại) tại khu nhà xưởng và khu văn phòng. Nhân viên vệ sinh có trách nhiệm thu gom và đem đến khu vực chứa chất thải sinh hoạt (cạnh phòng chứa CTNH) sau khi hết ngày làm việc.



- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.


## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Áp dụng công nghệ, trang thiết bị máy móc kín, hiện đại, vận hành tự động cùng với các thiết bị điều khiển như van đóng mở tự động, các cân bồn (load-cell), màn hình hiển thị (HMI), trạm kiểm soát (PLC- control room), còi và đèn báo,... kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất từ khâu nhập nguyên liệu từ xe bồn đến khâu đóng gói ra thành phẩm.

- Bố trí hệ thống mương rãnh thu gom hóa chất tràn đổ từ các khu vực như bồn trộn, kho chứa nguyên liệu, kho chứa hóa chất, lưu giữ chất thải nguy hại với tổng chiều dài là 376m chạy dọc theo chân tường, chiều rộng trung bình là 150mm, bề sâu trung bình 200mm, tổng thể tích lưu chứa: 2 m<sup>3</sup> (4 hố thu, 500lit/hố), bố trí phương tiện, thiết bị kịp thời thu gom xử lý hóa chất tràn đổ, không để tràn đổ ra ngoài môi trường.

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. 







**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 67 /GPMT-STNMT ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất và các văn bản liên quan.
3. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
10. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
11. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật. 